

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh.
- Ông Nguyễn Anh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Trần Văn T và người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T là anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Do quen biết nhau nên vào năm 2021 anh T (tên thường gọi là D) có cho anh Nguyễn Văn M vay số tiền 58.000.000 đồng, lúc cho vay tiền do tin tưởng nhau nên không làm biên nhận. Do anh M hẹn nhiều lần không trả tiền nên anh T có yêu cầu làm biên nhận, anh M viết biên nhận vào ngày 16/5/2023 hẹn đến ngày 16/8/2023

sẽ trả tiền cho anh T, biên nhận này do anh M tự viết và ký tên. Hết thời hạn anh T có liên hệ đòi nhiều lần nhưng anh M hứa hẹn mà không trả tiền.

Ngày 19/12/2023 ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang có hòa giải nhưng không thành, đến ngày 23/02/2024 UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Nay anh T yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải trả số tiền 58.000.000đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T (tên thường gọi là D) vì từ trước đến nay tôi không có vay tiền của anh T. Về biên nhận anh T nộp để kiện tôi do tôi viết và ký tên. Tôi viết biên nhận này do tôi có chơi 02 phần hụi do bà Lưu Thị T1 là mẹ vợ anh T chơi dùm, tôi hốt 01 phần hụi cách nay khoảng 03 năm được 22.500.000 đồng nhưng tôi nhận 20.000.000 đồng, số tiền còn lại cho bà T1. Sau đó bà T1 nhờ tôi làm biên nhận để cho ông T không cần nhả con gái bà T1 nên tôi mới viết. Do đó tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T1 có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 05/4/2024 và tại phiên hòa giải bà T1 trình bày: Tôi không đồng ý với lời trình bày của ông M. Tôi xác định từ trước đến nay tôi không có chơi hụi dùm ông M hay ông M có chơi hụi gì với tôi. Tôi và ông M quen biết nhau do trước đây làm chung hãng bia ở thị xã C. Tôi hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền giữa ông T và ông M. Do bận đi làm nên tôi xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa anh H là người đại diện theo ủy quyền của ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền vay 58.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông M cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo biên nhận do ông T cung cấp thể hiện ông M có vay của ông T số tiền 58.000.000 đồng và hẹn từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/8/2023 sẽ trả lại cho ông T số tiền 58.000.000 đồng. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa ông M cũng thừa

nhận nội dung biên nhận do ông M tự viết và ký tên nên lời trình bày và yêu cầu của ông T là có căn cứ.

Đối với lời trình bày của ông M, ông M thừa nhận biên nhận do ông T nộp cho Tòa án để khởi kiện là do ông M tự viết và ký tên nhưng ông M không có vay tiền của ông T mà do trước đây ông M có chơi hội với bà T1 là mẹ vợ ông T, ông M hót 01 phần hội được 22.500.000 đồng, ông nhận 20.000.000 đồng, số tiền còn lại cho bà T1. Sau đó bà T1 nhờ ông làm biên nhận làm tin để cho ông T không cần nhằn con gái bà T1 nên ông viết biên nhận. Lời trình bày này của ông M không được bà T1, ông T thừa nhận. Tại phiên hòa giải và tại bản tự khai bà T1 không đồng ý với lời trình bày của ông M, bà T1 trình bày từ trước đến nay bà T1 và ông M không có tham gia chơi hội gì với nhau.

Mặc khác ông M không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của ông M. Do đó không có cơ sở xem xét lời trình bày này của ông M.

Từ các phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông M trả lại số tiền vay nhưng ông M không thực hiện là vi phạm hợp đồng, có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về tiền lãi: ông T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn M phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trần Văn T 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0002412 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: ông T, ông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang